



LÀNG NGHỀ CHẾ BIẾN GỖ TRONG BỐI CẢNH THỰC THI FLEGT VÀ REDD+ TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Tôn Quyền

Lê Duy Phương

Tô Xuân Phúc

Cao Thị Cẩm

Ngụy Thị Hồng

Hà Nội - 2012

Báo cáo "Làng nghề chế biến gỗ trong bối cảnh thực thi FLEGT và REDD+ tại Việt Nam" được hoàn thành với sự trợ giúp về tài chính của tổ chức Forest Trends. Nhóm tác giả xin cảm ơn ông Đặng Việt Quang đã góp ý cho báo cáo và giúp thể hiện số liệu. Các quan điểm được thể hiện trong báo cáo không phản ánh quan điểm chính thống của tổ chức Forest Trends.

Báo cáo cũng là kết quả làm việc của các thành viên nhóm nghiên cứu trong suốt 6 tháng của năm 2012.

Nhóm nghiên cứu cũng xin cảm ơn sự hỗ trợ về thủ tục hành chính của Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFORES), đặc biệt, cảm ơn sự nhiệt tình của UBND các xã, phường, Đồng Ky, Vạn Điểm, Yên Ninh, Hữu Bằng, Liên Hà, các tổ chức, cá nhân, Hội làng nghề, đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhóm thực hiện nghiên cứu tại các địa bàn này.

MỤC LỤC

	Trang
TÓM TẮT	4
GIỚI THIỆU	6
1. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	7
2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	7
3. TỔNG QUAN VỀ LÀNG NGHỀ	10
3.1. Tình hình sử dụng nguyên liệu của làng nghề	11
3.2. Sản phẩm của làng nghề và thị trường	11
3.3. Phương thức bán hàng của làng nghề chế biến gỗ	12
3.4. Quản lý nhà nước đối với làng nghề và làng nghề chế biến gỗ	12
3.5. Một số chính sách liên quan đến phát triển làng nghề và làng nghề chế biến gỗ ở Việt Nam	14
4. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA	15
4.1. Khái quát về các làng nghề được điều tra	15
4.2. Nguyên liệu cho các làng nghề chế biến gỗ	19
4.3. Sản phẩm và thị trường tiêu thụ của làng nghề	24
4.4. Doanh thu của các cơ sở sản xuất làng nghề chế biến gỗ	26
4.5. Vốn đầu tư, lao động và công nghệ sản xuất trong các làng nghề	27
4.6. Thảo luận về ý nghĩa của nghiên cứu đối với FLEGT và REED+	32
5. KẾT LUẬN	34
TÀI LIỆU THAM KHẢO	36
Phụ lục 1: Khái quát đặc điểm các làng nghề được điều tra	37
Phụ lục 2: Bảng tổng hợp số liệu gỗ sử dụng tại các làng nghề được điều tra	39

TÓM TẮT

Việt Nam hiện nay có khoảng trên 300 làng nghề chế biến gỗ, với khoảng gần 50% trong số này tập trung tại vùng Đồng bằng Sông Hồng. Hàng năm lượng gỗ nguyên liệu sử dụng cho các làng nghề gỗ trong cả nước ước khoảng 350.000 - 400.000 m³ gỗ quy tròn được nhập khẩu từ nước ngoài và khai thác trong nước.

Làng nghề gỗ đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Hiện có khoảng 300.000 lao động đang làm việc tại các làng nghề. Hàng năm số lượng làng nghề gỗ tăng khoảng 5%, điều này tạo cơ hội việc làm cho nhiều người lao động tại vùng nông thôn. Hàng năm, tổng doanh thu từ các làng nghề gỗ đạt khoảng 1,5 tỉ đô la, trong đó giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản ngoài gỗ chiếm trên 13%. Các làng nghề hiện nay cung cấp trên 80% đồ gỗ nội thất và đồ gỗ xây dựng cho thị trường nội địa (HRPC, 2009).

Đa số các làng nghề gỗ hiện nay có quy mô nhỏ, chủ yếu là hình thức hộ gia đình, với khoảng 8-15 lao động, chủ yếu là lao động phổ thông. Chủ cơ sở sản xuất và người làm thuê không ràng buộc với nhau bởi hợp đồng lao động, mà thường dựa trên các thỏa thuận miệng được thống nhất giữa 2 bên. Nguồn vốn sản xuất của hộ thường nhỏ, khoảng dưới 10 tỉ đồng/hộ/năm. Quy mô hộ gia đình tạo ra sự linh động trong tổ chức sản xuất kinh doanh, điều này tạo động lực thúc đẩy làng nghề phát triển.

Khác với ngành công nghiệp gỗ xuất khẩu có sử dụng công nghệ tiên tiến nhằm tiết kiệm nguyên liệu đầu vào và tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm, nhiều làng nghề gỗ chủ yếu sử dụng công nghệ thô sơ, điều này gây lãng phí về nguyên liệu và hạn chế về chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, một số làng nghề gỗ truyền thống sử dụng lao động tay nghề cao, tạo ra sản phẩm độc đáo có giá trị cao, phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.

Cục Chế biến, Thương mại Nông lâm sản và Nghề muối thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chịu trách nhiệm về quản lý nhà nước về làng nghề gỗ, thông qua việc soạn thảo nhằm ban hành các cơ chế chính sách quản lý, hỗ trợ phát triển làng nghề. Bộ Công thương có trách nhiệm quản lý thị trường sản phẩm thông qua các cơ chế chính sách hỗ trợ và phát triển thị trường. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hỗ trợ đào tạo nghề. Tuy nhiên, việc quản lý làng nghề nói chung và làng nghề gỗ nói riêng còn tồn tại một số bất cập, đặc biệt là chưa có sự phối hợp thống nhất trong quản lý giữa các cơ quan này. Bên cạnh đó, việc giám sát sự tuân thủ các quy định pháp luật tại các làng nghề còn lỏng lẻo. Hầu hết các hộ gia đình không tham gia các tổ chức xã hội nghề nghiệp như các Hiệp hội ngành hàng, điều này dẫn đến sự phát triển tự phát của các làng nghề. Nói cách khác, các làng nghề tự vận hành và chạy theo nhu cầu thị trường

mà chưa tiếp cận được với nguồn thông tin thị trường, định hướng phát triển thị trường sản phẩm.

Việc phát triển tự phát của nhiều làng nghề làm nảy sinh một số hạn chế. Tại nhiều làng nghề, hầu hết các hộ và các công ty tham gia sản xuất kinh doanh chưa quan tâm đến nguồn gốc và tính pháp lý của nguồn gỗ nguyên liệu. Điều này có thể tạo cơ hội cho việc tiêu thụ gỗ có nguồn gốc không minh bạch trong đó bao gồm gỗ khai thác bất hợp pháp. Một số làng nghề có sử dụng một số lượng lớn gỗ tự nhiên thuộc nhóm IA và IIA, là các nhóm gỗ mà Nhà nước hạn chế sử dụng vì mục đích thương mại. Bên cạnh đó, việc tuân thủ các quy định về môi trường, điều kiện an toàn lao động, sử dụng lao động của các làng nghề còn rất hạn chế.

Việt Nam đang tham gia đàm phán với EU về Hiệp định Đối tác Tự nguyện trong khuôn khổ của Chương trình Thực thi Luật lâm nghiệp, Quản trị rừng và Thương mại gỗ (FLEGT). Đồng thời Việt Nam cũng đang tham gia sáng kiến Giảm phát thải do mất rừng và suy thoái rừng (REDD+). Cả 2 Sáng kiến này đều có mục đích nhằm hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, góp phần quản lý rừng bền vững. Hàng năm, các làng nghề gỗ sử dụng một lượng gỗ nguyên liệu đáng kể, do vậy việc sản xuất kinh doanh và phát triển của làng nghề gỗ trong tương lai có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các sáng kiến này tại Việt Nam. Đến nay, các làng nghề gỗ chưa tiếp cận được thông tin có liên quan đến tiến trình thực hiện các sáng kiến FLEGT và REDD+. Báo cáo này dựa trên điều tra thực địa về tình hình sản xuất kinh doanh của một số làng nghề gỗ chỉ ra rằng các làng nghề gỗ hiện nay chưa sẵn sàng cho việc thực hiện FLEGT tại Việt Nam nếu việc thực hiện FLEGT đòi hỏi một quy trình kiểm tra gắt gao về tính hợp pháp của nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào. Nói cách khác, việc thực hiện FLEGT và cả REDD+ nhằm đưa ra các chế tài quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào hợp pháp sẽ có thể làm ảnh hưởng tiêu cực đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của làng nghề. Điều này đòi hỏi tiến trình thực hiện FLEGT and REDD+ cần có sự tham vấn đầy đủ và kịp thời đối với các làng nghề về các nội dung và tiến trình thực hiện các Sáng kiến này.

GIỚI THIỆU

Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp gỗ của Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Đồ gỗ của Việt Nam đã xuất khẩu đến 120 thị trường trên toàn thế giới. Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc là những thị trường lớn nhất của đồ gỗ Việt Nam, trong đó thị trường Mỹ và EU chiếm đến 80% kim ngạch xuất khẩu các loại sản phẩm này. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam năm 2011 đã đạt trên 3,9 tỷ USD.

Bên cạnh đó, các làng nghề chế biến gỗ cũng khá sôi động với các hoạt động sản xuất đồ gỗ. Các làng nghề này sử dụng một lượng gỗ nguyên liệu tương đối lớn để sản xuất các mặt hàng phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Năm 2007, các làng nghề chế biến gỗ ở Đồng bằng sông Hồng sử dụng 221.600 m³ gỗ trong tổng số 305.600 m³ gỗ của tất cả các làng nghề cả nước. Nguồn nguyên liệu trong nước đáp ứng được 20% nhu cầu, phần còn lại (80%) được nhập khẩu từ nước ngoài (HRPC, 2009).

Năm 2010, Việt Nam và Liên minh Châu Âu đã chính thức đàm phán Hiệp định Đối tác Tự nguyện (VPA) trong khuôn khổ Chương trình tăng cường thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại gỗ (FLEGT). Cho đến nay, Việt Nam đang xây dựng các định nghĩa về gỗ hợp pháp và hoàn thiện hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ (TLAS). Hiện Việt Nam cũng đang tham gia sáng kiến REDD+ nhằm giảm phát thải khí nhà kính thông qua các hoạt động chống mất rừng và suy thoái rừng, trong đó có việc ngăn chặn khai thác gỗ bất hợp pháp.

Hàng năm các làng nghề chế biến gỗ sử dụng một lượng lớn nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào, do vậy hoạt động sản xuất kinh doanh của làng nghề có ý nghĩa trực tiếp đến việc bảo vệ và phát triển rừng tại Việt Nam. Bên cạnh đó, việc một số làng nghề hiện đang có các sản phẩm xuất khẩu có ý nghĩa trực tiếp đến việc thực hiện FLEGT tại nước ta. Việc gắn kết các làng nghề này vào tiến trình thiết kế và thực hiện các sáng kiến này là đặc biệt quan trọng.

Nghiên cứu thực trạng sản xuất kinh doanh tại một số làng nghề gỗ kỳ vọng sẽ cung cấp một số thông tin tham khảo cho quá trình thiết kế và vận hành Sáng kiến FLEGT và REDD+ tại Việt Nam. Cụ thể, nghiên cứu tập trung về nguồn gốc của gỗ và quá trình luân chuyển sản phẩm gỗ trên thị trường là rất cần thiết. Kết quả của nghiên cứu sẽ đóng góp phần vào việc xây dựng hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ, định nghĩa gỗ hợp pháp và xác định những địa điểm trên đó rừng có nguy cơ bị suy thoái hoặc có khả năng bị chặt phá bất hợp pháp.¹

Nghiên cứu trình bày thực trạng, quy mô, tình hình sử dụng nguyên liệu gỗ và thị trường của sản phẩm gỗ trong các làng nghề, tập trung vào 5 làng nghề thuộc

¹ Thông báo của Bộ Nông nghiệp và PTNT số 1549/TB-BNN-VP

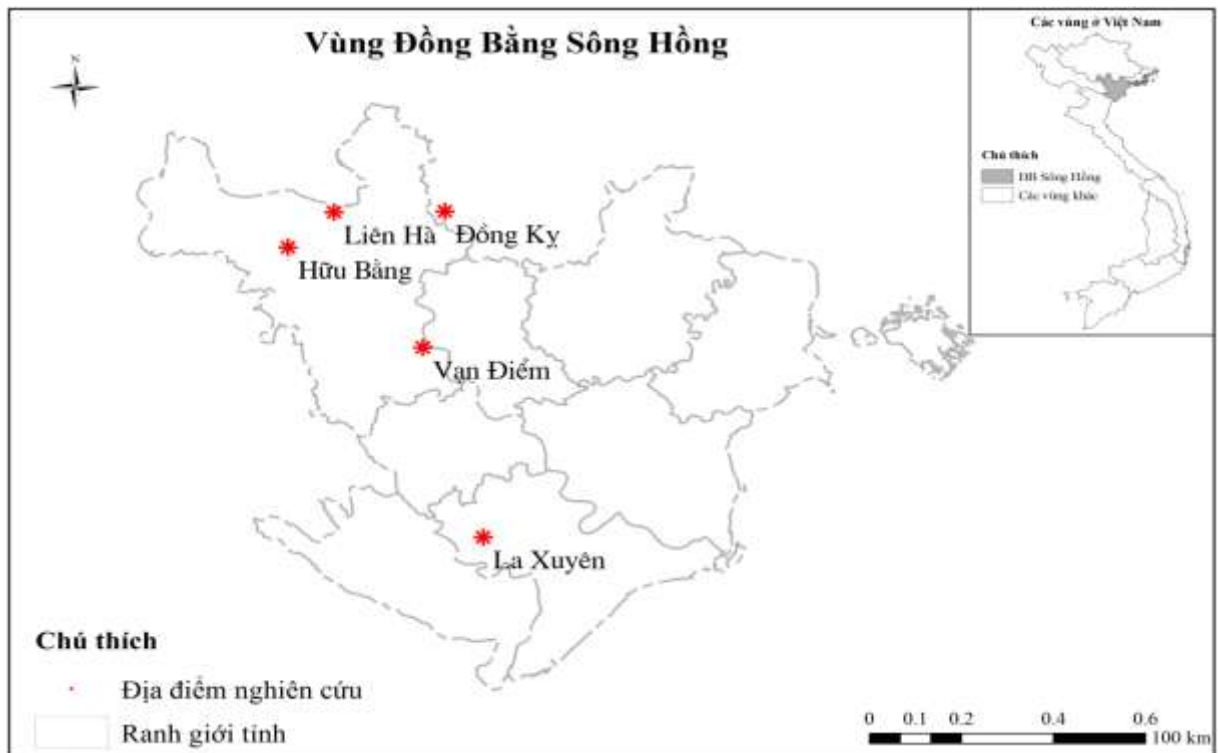
vùng Đồng bằng Sông Hồng. Kết quả của nghiên cứu này sẽ góp phần làm minh bạch các hoạt động sản xuất ở làng nghề gỗ tại Việt Nam nói chung và vùng Đồng bằng Sông Hồng nói riêng.

1. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng, quy mô, nguồn cung và nhu cầu của các sản phẩm đồ gỗ tại các làng nghề, thông qua việc đánh giá được các nguồn gỗ nguyên liệu sử dụng trong 5 làng nghề vùng đồng bằng sông Hồng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu dựa vào các nguồn thông tin thứ cấp và sơ cấp. Thông tin thứ cấp được thu thập từ các chương trình, dự án và tài liệu của các cơ quan/tổ chức có liên quan. Thông tin sơ cấp được thu thập từ các làng nghề, thông qua phỏng vấn một số doanh nghiệp và hộ sản xuất trong làng nghề dựa vào phiếu điều tra. Trước khi tiến hành điều tra, phiếu khảo sát được điều tra thử để hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế. Quá trình điều tra được tiến hành tại 5 làng nghề của khu vực Đồng bằng sông Hồng (Hình 1). Tổng số mẫu được điều tra là 156, bao gồm 16 công ty và 140 hộ gia đình được lựa chọn ngẫu nhiên (Bảng 1).



Hình 1: Địa điểm nghiên cứu trên khu vực Đồng Bằng Sông Hồng

Bảng 1: Khái quát về các làng nghề được khảo sát

TT	Tên làng nghề	Số C.sở K. sát	Nguyên liệu chủ yếu		Sản phẩm chủ yếu	Thị trường chính
			Nhập khẩu	Nội địa		
1	Đồng Kỵ (Từ Sơn - Bắc Ninh)	31	- Hương - Gụ - Trắc, mun	Không có	Sản phẩm mỹ nghệ truyền thống: - Bộ bàn ghế - Tủ áo - Sập - Đồ thờ	Nội địa, Trung Quốc
2	Vạn Điểm (Thường Tín, Hà Nội)	30	- Hương - Gụ - Trắc mun - Gỗ khác	Không có	Sản phẩm mỹ nghệ truyền thống: - Bộ bàn ghế - Tủ áo - Sập - Đồ thờ	Nội địa
3	La Xuyên (Yên Ninh, Ý Yên, Nam Định)	35	- Hương - Gụ - Mít - Gỗ khác	Không có	Sản phẩm mỹ nghệ truyền thống: - Bộ bàn ghế - Tủ áo - Sập - Đồ thờ	Nội địa
4	Hữu Bằng (Thạch Thất - Hà Nội)	30	- Xoan đào - Sồi châu Âu, Mỹ - Gỗ khác	- Keo, - Xoan ta - Bạch đàn - Ván công nghiệp	Sản phẩm thông dụng (tân thời) - Bộ bàn ghế phòng ăn - Bàn ghế hội trường - Giường, tủ, Kệ TV, bàn phấn	Nội địa
5	Liên Hà (Đan Phượng - Hà Nội)	30	- Xoan đào - Chuôn (giống Lát) - Sồi châu Âu - Sấu, muồng - Gỗ khác	- Keo - Ván công nghiệp - Gỗ khác	Sản phẩm thông dụng (tân thời) - Giường - Tủ áo - Kệ TV, bàn phấn	Nội địa
	Tổng cộng	156	-	-	-	

Làng nghề được lựa chọn để điều tra là các làng nghề nằm ở vùng đồng bằng sông Hồng, là vùng có mật độ tập trung cao các làng nghề chế biến gỗ. Sản phẩm của các làng nghề này là các sản phẩm gỗ đặc trưng và thông dụng, được sử dụng rộng rãi trên thị trường. Các làng nghề này đều được hình thành và phát

triển từ rất nhiều năm trước, có trên 30% số hộ tham gia sản xuất sản phẩm gỗ và sử dụng một lượng lớn gỗ nguyên liệu. Trong số 5 làng nghề được điều tra có 4 làng nghề quy mô xã, phường (Liên Hà, Vạn Điểm, Hữu Bằng, Đồng Kỵ), 1 làng nghề quy mô thôn (La Xuyên). Các làng nghề này đều được công nhận là làng nghề trong hệ thống làng nghề của Việt Nam.

Báo cáo này sử dụng tiêu chí của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Thông tư TT 116/2006/TT-BNN), trong đó *làng nghề* được hiểu là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, làng hoặc các điểm dân cư tương tự trên địa bàn một xã, thị trấn, có các hoạt động ngành nghề nông thôn, sản xuất ra một hoặc nhiều sản phẩm khác nhau.

3. TỔNG QUAN VỀ LÀNG NGHỀ

Ước tính đến năm 2010 cả nước có trên 300 làng nghề gỗ, dự kiến đến năm 2015 sẽ phát triển trên 350 làng nghề (HRPC, 2009). Phân bố các làng nghề gỗ được thể hiện theo bảng 2:

Bảng 2: Phân bố các làng nghề chế biến gỗ năm 2009:

Vùng phân bố	Tổng làng nghề gỗ
Đồng Bằng Sông Hồng	130
Đồng Bắc	40
Tây Bắc	18
Bắc Trung Bộ	40
Nam Trung Bộ	18
Tây Nguyên	20
Đông Nam Bộ	14
Đồng Bằng Sông Cửu Long	22
Tổng	302

Nguồn: HRPC, 2009

Tốc độ tăng trưởng về số lượng làng nghề chế biến gỗ trong 5 năm từ 2010-2015 dự kiến là 23%. Mặc dù số lượng làng nghề gỗ chỉ chiếm tỷ lệ 6.6% trên tổng số làng nghề (300/4.575), nhưng giá trị sản xuất và tổng doanh thu của các làng nghề gỗ chiếm 50% tổng giá trị của 6 nhóm làng nghề (32.000 tỷ/69.000 tỷ). Giá trị kim ngạch xuất khẩu của các làng nghề gỗ và lâm sản ngoài gỗ là 200 triệu USD, chiếm 25% tổng số kim ngạch của tất cả làng nghề Việt Nam. (HRPC, 2009). Trên 80% đồ gỗ nội thất và đồ gỗ xây dựng trên thị trường nội địa được sản xuất từ các làng nghề chế biến gỗ. Các làng nghề gỗ đã thu hút được trên 300.000 lao động làm việc thường xuyên, chiếm 20% số lượng lao động của các loại hình làng nghề khác.

3.1. Tình hình sử dụng nguyên liệu của làng nghề chế biến gỗ

Làng nghề chế biến gỗ chủ yếu sử dụng nguyên liệu là gỗ, bao gồm: gỗ tròn, gỗ xẻ, và các loại ván nhân tạo. Các loại gỗ nguyên liệu này được cung cấp từ 2 nguồn: gỗ trong nước và gỗ nhập khẩu;

Ở các làng nghề gỗ Miền Bắc, gỗ nhập khẩu chủ yếu có nguồn gốc từ các nước Đông Nam Á, châu Phi, châu Mỹ và một số nước châu Âu, gồm các loại gỗ: gỗ tròn, gỗ xẻ hộp thuộc các nhóm 1 và nhóm 2. Các làng nghề phía Nam, nguồn gỗ nhập khẩu chủ yếu gồm gỗ tròn, gỗ xẻ hộp và ván nhân tạo từ các nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4.

Nguồn gỗ trong nước là gỗ từ rừng tự nhiên và gỗ rừng trồng. Một số ít là gỗ vườn nhà và ván nhân tạo. Gỗ rừng tự nhiên chủ yếu được khai thác theo chỉ tiêu hàng năm của nhà nước. Một số khác là gỗ đầu thầu từ nguồn gỗ do các cơ quan nhà nước tịch thu của các đối tượng khai thác, lưu thông trái phép. Gỗ rừng trồng gồm các loại gỗ Bạch Đàn, Keo, Bò Đẻ, Mỡ, Thông. Đối với các loại gỗ này, các làng nghề mua dưới dạng gỗ tròn có đường kính trên 15cm hoặc gỗ xẻ phơi theo yêu cầu của từng người mua. Ván nhân tạo được nhập khẩu hoặc được cung cấp từ các nhà máy sản xuất trong nước và các cơ sở sản xuất thủ công tại các vùng trồng rừng.

Lượng sử dụng nguyên liệu cho tất cả các làng nghề gỗ là trên 3500.000-400.000 m³ /năm trên tổng số tiêu thụ tại thị trường nội địa khoảng 1 triệu m³/năm. Bên cạnh đó, các cụm công nghiệp chế biến gỗ khu vực nông thôn (chưa phải làng nghề) hàng năm sử dụng khoảng 400.000 m³ gỗ quy tròn, và khoảng 20.000 hộ nhỏ lẻ trong cả nước sử dụng khoảng 200.000 m³ gỗ hàng năm.

3.2. Sản phẩm của làng nghề và thị trường

Quá trình phát triển kinh tế, xã hội đã nâng cao nhu cầu sử dụng sản phẩm gỗ của người tiêu dùng. Trong đó nhu cầu mua sắm đồ gỗ trong hộ gia đình là tương đối lớn. Bình quân mỗi hộ gia đình cần mua sắm đồ gỗ với khoảng 6 triệu đồng/hộ. Nhu cầu đồ gỗ cho các khách sạn, văn phòng cho thuê và các khu đô thị mới cũng có xu hướng tăng nhanh. Để đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ trên thị trường nội địa, các cơ sở sản xuất đồ gỗ cũng như các làng nghề chế biến gỗ đã được hình thành và phát triển ở hầu hết các vùng trong cả nước.

Chủng loại, kiểu dáng và chất lượng sản phẩm cung cấp cho thị trường rất đa dạng. Hiện nay các cơ sở sản xuất đồ gỗ của Việt Nam trong đó có các làng nghề đang cung cấp cho thị trường hàng ngàn mặt hàng với nhiều kiểu dáng và chất lượng khác nhau. Tuy nhiên, không khó để nhận ra rằng một bộ phận lớn sản phẩm được sản xuất ra phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước của các cơ sở sản xuất nhỏ đều là sản phẩm không có sự kiểm soát về chất lượng. Theo đánh giá